

**CÔNG TY TNHH SHINEDORA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SHINEDORA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHINEDORA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110032389

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 61 ngõ 249 tổ 9, khu giãn dân Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983374511

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán<br>buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn<br>và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội<br>thất tương tự | 4649        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                          | 8299        |
| 4.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 1391        |
| 5.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1392        |
| 6.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1393        |
| 7.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                           | 1399        |
| 8.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1410        |
| 9.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1430        |
| 10. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1511        |
| 11. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                   | 1512        |
| 12. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1520        |
| 13. | In ấn<br>(Không bao gồm các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1811        |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1812        |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(không bao gồm Đầu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                           | 4791        |
| 16. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(không bao gồm Đầu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))                                                                                                                                                                                                                  | 4799        |

|     |                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4751 |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4752 |
| 19. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4753 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759 |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4771 |
| 22. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THOM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038171000770

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH2206 Sakura Tower, số 47 đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH2206 Sakura Tower, số 47 đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

